

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 46/2019/HSST

Ngày: 14/8/2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH TỈNH TÂY NINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đỗ Thành N**

2. Ông **Trần Văn Thạch**

Thư ký Phiên tòa: Ông Lưu Sử N Quân -Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.T, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H.T, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Thành Danh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H.T, tỉnh Tây Ninh. Tòa án nhân dân huyện H.T, tỉnh Tây Ninh xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 41/2019/HSST ngày 04 tháng 7 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2019/QĐXXST ngày 02 tháng 08 năm 2019 đối với bị cáo:

Đ.V.P; sinh năm 1990, tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: ấp G.T, xã L.T.N, huyện H.T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đ.V.Đ (đã chết) và bà P.T.H; có vợ N.K.T và 02 người con; tiền án: Không có; tiền sự: Không có. Bị bắt, tạm giam ngày 19/4/2019 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1.Chị **T.D.H.N**, sinh năm 1981 - có mặt

Địa chỉ: ấp G.T, xã L.T.N, huyện H.T, tỉnh Tây Ninh.

2.Bà **D.K.Q**, (Hoa) sinh năm 1962 - có mặt

Địa chỉ: ấp G.T, xã L.T.N, huyện H.T, tỉnh Tây Ninh.

Người làm chứng:

1.Chị **T.D.M.N**, sinh năm 1985 – có mặt

Địa chỉ: ấp G.T, xã L.T.N, huyện H.T, tỉnh Tây Ninh.

2.Chị **Dương N Lợi**, sinh năm 1971 – vắng mặt

Địa chỉ: ấp G.T, xã L.T.N, huyện H.T, tỉnh Tây Ninh.

3. Anh **T.V.U**, sinh năm 1982 – vắng mặt

Địa chỉ: Ấp S.D, xã T.B, huyện C.T, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại Pên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 18 giờ 30 phU ngày 27/5/2016, sau khi đã uống rượu bia, Đ.V.P điều khiển xe mô tô chở anh T.V.U, sinh năm 1982, ngụ ấp Suối Dộp, xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đi về nhà. Khi đi ngang nhà của bà D.K.Q, P nhớ việc bà Q còn nợ tiền vay của anh mình là Phan Văn Châu, sinh năm 1988, ngụ cùng ấp, mà không trả nên P dừng xe trước nhà bà Q. P vào nhà gặp bà Q yêu cầu trả tiền nợ dẫn đến hai bên cãi nhau. Lúc này, chị T.D.H.N là con ruột ở cùng nhà với bà Q, từ phía sau nhà đi đến rèm cửa giữa phòng khách và phòng ngủ để khuyên ngăn thì bị P lấy cây dao bằng kim loại dài 30cm để ở tủ trước nhà của bà Q, cầm bằng tay phải đi đến chém một cái trúng vào vùng đỉnh phải đầu của chị N gây thương tích. Thấy vậy, bà Q chạy đến dùng hai tay nắm lấy tay P để can ngăn. Trong lúc xô đẩy, lưỡi dao của P cầm trúng vào ngón I bàn tay trái của bà Q gây thương tích. P cầm dao đi ra lấy xe chở U chạy đi. Trên đường đi, P ném bỏ cây dao nên không thu giữ được. Sau đó, P bỏ trốn đến ngày 19/4/2019 bị bắt giam. Riêng bà Q và chị N được đưa đến Bệnh viện Cao Văn chi điều trị.

Tại các Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 102, 105 ngày 16/6/2016 của Trung tâm Pháp y tỉnh Tây Ninh kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của T.D.H.N do thương tích 01 vết sẹo vùng đỉnh phải gây nên hiện tại là 08%; Tỷ lệ tổn thương cơ thể của D.K.Q do thương tích 01 vết sẹo ngón I bàn tay trái gây nên hiện tại là 01%.

Về bồi thường thiệt: Bị hại T.D.H.N yêu cầu bồi thường tiền điều trị thương tích và tiền tổn thất thu nhập với tổng số tiền 48.000.000 đồng. Bị hại D.K.Q không yêu cầu bồi thường. P đồng ý, nhưng chưa bồi thường.

Đối với anh Trần Văn U đi cùng với P đến nhà của bà Q nhưng anh U không biết việc P đến đòi nợ và cũng không có tham gia gây thương tích cho các bị hại. Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

Tại bản cáo trạng số 43/CT-VKSHT, ngày 04/7/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện H.T, tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo Đ.V.P về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại Điểm a, i Khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trong phần tranh luận đã giữ nguyên Quyết định truy tố bị cáo Đ.V.P về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại Điểm a, i Khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điểm a, i Khoản 1 Điều 104; Điểm h, p

Khoản 1 Điều 46; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Đ.V.P từ 09 đến 12 tháng tù. Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 590 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo P bồi thường cho chị D.T.H.N số tiền 48.000.000 đồng (bốn mươi tám triệu đồng).

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại Pên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H.T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H.T, Kiểm sát viên* trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại Pên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. *Về hành vi của bị cáo:* Lời khai của bị cáo tại Pên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, các bị hại và người làm chứng tại Cơ quan điều tra; phù hợp vật chứng vụ án cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Khoảng 18 giờ 30 ngày 27/5/2016 tại nhà của bà D.K.Q, bị cáo Đ.V.P có hành vi dùng dao là hung khí nguy hiểm gây thương tích, làm tổn thương cơ thể chị T.D.H.N08% và bà D.K.Q 01%. Do bị cáo P dùng dao là hung khí nguy hiểm và hành vi của bị cáo có tính chất côn đồ nên Viện kiểm sát nhân dân huyện H.T, tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo P tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại Điều a, i Khoản 1 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ. Hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra năm 2016, nên Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H.T và trong phần tranh luận, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều, khoản của Bộ luật Hình sự năm 1999 để xét xử bị cáo là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy nhiên, tội: “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 và Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 có mức hình phạt bằng nhau. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015 để xét xử vụ án là đúng tinh thần của khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3]. Hành vi của bị cáo Đ.V.P là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an

tại địa phương. Bản thân bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nên phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi và hậu quả đã gây ra. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[4]. *Khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:*

[4.1]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Không có

[4.2]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo P phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội có thái độ thật thà khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại T.D.H.N yêu cầu bị cáo P bồi thường tiền điều trị thương tích và tiền tổn thất thu nhập với tổng số tiền 48.000.000 đồng (bốn mươi tám triệu đồng), bị cáo P đồng ý bồi thường nên ghi nhận. Bị hại D.K.Q không yêu cầu bị cáo P bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

[6]. Về án phí: Bị cáo P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo: Đ.V.P phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng Điểm a, i Khoản 1 Điều 134; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Đ.V.P 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/4/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 590 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Đ.V.P bồi thường cho chị T.D.H.N số tiền 48.000.000 đồng (bốn mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày chị T.D.H.N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo P không chịu trả số tiền trên thì hàng tháng bị cáo P còn phải trả cho chị N số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bị cáo P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 2.600.000 đồng (hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo, bị hại biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh.
- Viện kiểm sát Hòa Thành.
- Thi hành án Hòa Thành.
- Bị cáo
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu tập án.

Đã ký

DƯƠNG THÚY HẰNG